

NGHỊ QUYẾT
Quy định mức thu, quản lý và sử dụng phí thư viện
trên địa bàn tỉnh Phú Yên

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN
KHÓA VIII, KỲ HỌP THỨ 17

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;
Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;
Căn cứ Luật Thư viện ngày 21 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí;
Căn cứ Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
Căn cứ Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Xét Tờ trình số 152/TTr-UBND ngày 18 tháng 9 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo nghị quyết quy định mức thu, quản lý và sử dụng phí thư viện trên địa bàn tỉnh Phú Yên; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng
1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định mức thu, quản lý và sử dụng phí thư viện thuộc địa phương quản lý trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

2. Đối tượng áp dụng

- Các tổ chức, cá nhân có nhu cầu sử dụng vốn tài liệu của thư viện.
- Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc thu, quản lý và sử dụng phí thư viện.

Điều 2. Nội dung và mức thu phí

1. Đối tượng nộp phí là tổ chức, cá nhân có nhu cầu sử dụng vốn tài liệu của thư viện.

2. Đối tượng miễn phí thư viện

- Trẻ em, người cao tuổi, người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo.
- Các đối tượng được hưởng chính sách ưu đãi hưởng thụ văn hóa quy định tại Điều 2 Quyết định số 170/2003/QĐ-TTg ngày 14 tháng 8 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ về “Chính sách ưu đãi hưởng thụ văn hoá” gồm:

Nhân dân ở vùng đặc biệt khó khăn theo quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền: các xã, thôn đặc biệt khó khăn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

Người có công với cách mạng: Cán bộ lão thành cách mạng; cán bộ “tiền khởi nghĩa”; thân nhân liệt sĩ; Anh hùng Lực lượng vũ trang, Anh hùng Lao động, Bà mẹ Việt Nam anh hùng; Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, bệnh binh; các đối tượng được chăm sóc tại các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng thương, bệnh binh và người có công.

Người thuộc diện chính sách xã hội: Người tàn tật; các đối tượng được chăm sóc tại cơ sở bảo trợ xã hội; học sinh các trường phổ thông dân tộc nội trú.

3. Tổ chức thu phí: Thư viện tỉnh.

4. Mức thu phí: Mức thu phí thẻ mượn, đọc tài liệu và sử dụng phòng đọc đa phương tiện tại Thư viện tỉnh: 15.000 đồng/người/năm.

5. Quản lý và sử dụng phí

Tổ chức thu phí được để lại 100% tổng số tiền phí thu được để trang trải chi phí theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Hội đồng nhân dân tỉnh giao:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện nghị quyết này.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các ban của Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo luật định, giám sát việc thực hiện nghị quyết này.

Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 65/2016/NQ-HĐND ngày 16 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Yên quy định mức thu, quản lý và sử dụng phí thư viện trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Yên Khóa VIII, kỳ họp thứ 17 thông qua ngày 18 tháng 10 năm 2023 và có hiệu lực từ ngày 28 tháng 10 năm 2023./.

CHỦ TỊCH

Cao Thị Hòa An